

Rx EROSE®

- **Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc.**
- **Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.**
- **Đề xa tầm tay trẻ em.**
- **Hướng dẫn sử dụng nêu tóm tắt các thông tin quan trọng của thuốc. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sỹ hoặc dược sỹ.**

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC: Mỗi viên nén bao phim chứa:

Thành phần được chất:

- L-Cystin 500 mg
- Pyridoxin hydroclorid 50 mg

Thành phần tá dược: Microcrystallin cellulose PH101, Starch 1500, Povidon K30, Natri croscarmellose, Magnesi stearat, Colloidal silicon dioxide A200, Polyethylen glycol 6000, Hydroxypropyl methylcellulose 15cP, Hydroxypropyl methylcellulose 6cP, Talc, Titan dioxide, Màu Quinolin yellow.

DẠNG BẢO CHẾ: Viên nén bao phim.

Mô tả đặc điểm bên ngoài của thuốc: Viên nén bao phim, hình tròn, màu vàng, một mặt có khắc vạch, hình ngôi sao và số 4618, cạnh và thành viên lạnh lặn.

CHỈ ĐỊNH:

- Hỗ trợ điều trị các bệnh về biểu bì (móng tay và tóc dễ gãy).
- Hỗ trợ điều trị các rối loạn tổn thương giác mạc.

LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG:

Liều dùng:

Liều dùng thuốc đúng liều lượng trong đơn thuốc.

4 viên/ngày, chia làm 2 lần.

Cách dùng: Uống thuốc trong bữa ăn.

Trường hợp quên uống một liều dùng: Hãy uống ngay khi nhớ ra. Nếu thời gian gần với lần dùng thuốc tiếp theo, bỏ qua liều đã quên và hãy dùng liều tiếp theo vào thời gian thường lệ. Không dùng liều gấp đôi để bù vào liều đã quên.

Trường hợp uống quá nhiều viên thuốc: Hãy gọi ngay bác sỹ hoặc tới khoa Hồi sức - Cấp cứu của bệnh viện gần nhất.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Quá mẫn với L-cystin, với pyridoxin hoặc với bất cứ thành phần nào khác của thuốc.
- Bệnh nhân bị cystin niệu.
- Phối hợp với levodopa.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:

Thuốc có chứa màu Quinolin yellow, có thể gây các phản ứng dị ứng.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

- **Thời kỳ mang thai:** Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc trên phụ nữ có thai.
- **Thời kỳ cho con bú:** Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc trên phụ nữ có con bú.

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC:

Tương tác của thuốc:

Liên quan pyridoxin:

Phối hợp chống chỉ định

Levodopa: Do pyridoxin ức chế hoạt tính của levodopa khi sử dụng mà không kèm theo chất ức chế dopadecarboxylase ngoại vi. Tuyệt đối tránh sử dụng pyridoxin khi thiếu chất ức chế dopadecarboxylase.

Tương kỵ của thuốc:

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc dùng đường uống, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:

Chưa ghi nhận được báo cáo về phản ứng có hại của thuốc.

Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

Triệu chứng và biểu hiện khi sử dụng thuốc quá liều:

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

Cách xử trí khi dùng thuốc quá liều:

Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời.

ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC:

Nhóm dược lý: Các chế phẩm da liễu khác/Vitamin, các thuốc kết hợp khác.

Mã ATC: D11 (D: Da liễu)/A11J (S: Nhân khoa).

Cung cấp cystin (acid amin lưu huỳnh có trong keratin của biểu bì) và vitamin B₆ (yếu tố sử dụng cystin). Một nghiên cứu định lượng cystin trong chân tóc và nang lông trên người tình nguyện khỏe mạnh đã chứng minh sự kết hợp cystin trong chân tóc. Những kết quả này không tương quan khả năng cải thiện lâm sàng.

ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC:

Chưa có báo cáo dữ liệu dược động học của thuốc.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

- Hộp 2 vỉ x 10 viên (vì nhôm - PVC).
- Hộp 10 vỉ x 10 viên (vì nhôm - PVC).

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN:

Bảo quản ở: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30 °C, tránh ánh sáng.

Bảo quản trong bao bì gốc của thuốc.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc quá hạn sử dụng đã ghi trên nhãn.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: TCCS.

CƠ SỞ SẢN XUẤT:



DOMESCO

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

Địa chỉ: Số 66, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 1800.969.660